

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 43



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 07 ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo đăng ký là:

- Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội bộ ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2017

3116
CÔNG
CỔ P
DỊCH
BIỂN T
ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 04 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2017

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 1 năm 2020
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2021

52
Y
N
ANG
00
AN
T
4H
VÀ
1A
A

Số: 2.0299/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		487.339.417.732	471.937.795.807
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.502.932.080	33.444.057.746
1. Tiền	111		24.002.932.080	29.944.057.746
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.500.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		401.299.609.101	372.744.976.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	389.235.330.399	348.562.864.263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.680.639.685	5.314.655.839
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	18.921.469.256	22.076.734.624
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.537.830.239)	(3.209.278.644)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		46.229.740.358	62.170.240.985
1. Hàng tồn kho	141	V.7	46.229.740.358	62.170.240.985
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.307.136.193	3.578.520.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.195.455.026	3.578.520.994
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		111.681.167	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.030.656.254.140	1.228.564.520.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.331.000.000	13.343.555.621
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	3.100.000.000	8.065.251.485
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	231.000.000	5.278.304.136
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		674.489.739.198	872.814.153.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	673.566.518.235	871.515.156.090
<i>Nguyên giá</i>	222		1.931.273.301.047	1.963.894.955.445
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.257.706.782.812)	(1.092.379.799.355)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	923.220.963	1.275.664.239
<i>Nguyên giá</i>	225		1.762.216.362	1.762.216.362
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(838.995.399)	(486.552.123)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	23.333.343
<i>Nguyên giá</i>	228		448.600.000	448.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(448.600.000)	(425.266.657)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.642.983.158	4.642.983.158
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	4.642.983.158	4.642.983.158
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		301.473.200.000	301.473.200.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	145.022.400.000	145.022.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	156.450.800.000	156.450.800.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.719.331.784	36.290.628.388
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	46.719.331.784	36.290.628.388
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.517.995.671.872	1.700.502.316.646

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		853.756.365.111	1.080.055.568.463
I. Nợ ngắn hạn	310		418.549.309.800	492.684.609.152
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	126.532.434.852	170.078.736.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	10.260.923.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.121.184.717	11.118.250.491
4. Phải trả người lao động	314		4.372.944.350	7.155.201.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	44.316.718.697	48.364.360.045
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	268.076.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	30.199.940.377	32.291.292.917
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	197.245.332.034	205.966.876.517
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.760.754.773	7.180.892.948
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		435.207.055.311	587.370.959.311
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	-	100.000.000.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	23.700.000	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	435.183.355.311	487.347.259.311
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

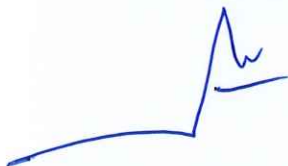
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		664.239.306.761	620.446.748.183
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	664.239.306.761	620.446.748.183
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		203.020.614.134	167.248.479.713
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	26.872.565.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		169.346.126.848	161.325.702.691
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.506.107.780	161.325.702.691
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.840.019.068	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.517.995.671.872	1.700.502.316.646

Người lập biểu



Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	980.809.742.971	900.395.892.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		980.809.742.971	900.395.892.774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	752.660.875.616	668.957.076.970
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		228.148.867.355	231.438.815.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.206.047.981	15.176.750.850
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62.689.139.586	69.113.609.194
Trong đó: chi phí lãi vay	23		62.213.524.325	67.965.090.056
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.787.004.783	1.702.934.264
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	50.023.708.366	52.178.140.627
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.855.062.601	123.620.882.569
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.505.423.708	1.986.621.854
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.014.736.504	98.953.320
13. Lợi nhuận khác	40		3.490.687.204	1.887.668.534
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		131.345.749.805	125.508.551.103
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.505.730.737	6.268.103.033
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		120.840.019.068	119.240.448.070
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Giám đốc

Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	131.345.749.805	125.508.551.103
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,10,11	180.851.923.928	215.584.957.907
- Các khoản dự phòng	03	9.328.551.595	3.209.278.644
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	21.865.571	73.801.238
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.891.331.048)	(13.714.139.693)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	62.213.524.325	67.965.090.056
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	369.870.284.176	398.627.539.255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(30.615.425.331)	104.490.165.347
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	15.940.500.627	(42.763.495.615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(113.738.654.114)	(94.555.937.514)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.045.637.428)	(27.995.787.824)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(70.801.301.846)	(63.518.724.295)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(5.990.380.361)	(5.981.368.530)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.983.286.944)	(11.425.332.863)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	138.636.098.779	256.877.057.961
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.192.069.722)	(109.340.616.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.374.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(56.450.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.466.477.240	5.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	274.407.518	(153.217.416.421)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	318.092.508.517	329.204.428.636
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(383.607.305.928)	(418.396.041.692)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17	(395.196.072)	(1.102.537.796)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(69.937.825.000)	(42.225.332.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(135.847.818.483)	(132.519.483.747)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.062.687.814	(28.859.842.207)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	33.444.057.746	62.348.889.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.813.480)	(44.989.767)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	36.502.932.080	33.444.057.746

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Công ty liên kết này đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án cảng Đức Long tại xã Châu Phong và xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư thực hiện dự án 243.269.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 333 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 280 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết
Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

366
TỶ
ÁN
/U
CÁN
HỒ

11/2/2021
10/11/21

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn, Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn có số năm khấu hao là 5 - 6 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

031
C
C
D
BIÊN
THAN

00
NH
TY
HỮU
A TU
C
NỘI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	30.074.368	72.374.075
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.972.857.712	29.871.683.671
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	12.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	36.502.932.080	33.444.057.746

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 3.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.17a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	145.022.400.000	-	145.022.400.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng ⁽ⁱ⁾	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ⁽ⁱⁱⁱ⁾	64.022.400.000	-	64.022.400.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	156.450.800.000	-	156.450.800.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ^(iv)	156.450.800.000	-	156.450.800.000	-
Cộng	301.473.200.000	-	301.473.200.000	-

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 5.100.000 cổ phần, tương đương 51,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.000.000 cổ phần, tương đương 60,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang, không thay đổi so với số đầu năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 6.402.240 cổ phần, tương đương 54,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc, không thay đổi so với số đầu năm.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 5.046.800 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, giá trị ghi sổ là 156.450.800.000 VND (31.000 VND/cổ phần) tương đương 40,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, không thay đổi so với số đầu năm. Công ty đã thanh toán 146.450.800.000 VND, số còn phải thanh toán 10.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng, Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc và Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng		
Công ty con cho thuê tài sản	27.060.000.000	27.862.500.000
Công ty con cung cấp dịch vụ	8.681.100.569	5.669.823.926
Doanh thu cho Công ty con thuê xe	803.400.000	965.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý tàu cho Công ty con	4.887.212.227	7.332.046.804
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cầu cho Công ty con	1.286.953.649	1.648.360.678
Công ty con chia cổ tức	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang		
Chi phí lãi vay phải trả Công ty con	2.964.829.413	2.875.887.500
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc		
Doanh thu cho Công ty con thuê tàu	32.344.247.562	22.650.975.000
Doanh thu bán dầu DO cho Công ty con	924.678.929	1.364.215.773
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty con	6.038.897.273	3.387.010.610
Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định cho Công ty con	-	3.900.000.000
Công ty con cung cấp dịch vụ	1.806.204.226	10.220.833.316
Công ty con chia cổ tức	5.762.016.000	6.402.240.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	125.870.807.427	104.551.501.879
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (*)	77.804.773.327	54.927.135.133
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	12.278.433.947	13.032.366.746
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	312.100.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Tân Cảng	-	13.600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.500.000.000	12.700.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	-	5.600.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	92.400.000	792.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	17.573.561.893	3.900.000.000
Công Ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	821.463.500	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	488.074.760	-
Phải thu các khách hàng khác	263.364.522.972	244.011.362.384
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	39.832.688.394	97.689.049.515
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	21.165.016.795	40.330.947.782
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	70.902.965.492	39.595.450
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,	28.963.169.430	-
Các khách hàng khác	102.500.682.861	105.951.769.637
Cộng	389.235.330.399	348.562.864.263

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng (công ty con) về phí cung cấp dịch vụ kéo tàu, thời hạn thanh toán khoản nợ trong quý I năm 2022.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán khác	5.680.639.685	5.314.655.839
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	-	2.603.481.100
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	3.967.181.680	-
Các nhà cung cấp khác	1.713.458.005	2.711.174.739
Cộng	5.680.639.685	5.314.655.839

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.686.319.699	-	17.543.587.407	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng	5.762.016.000	-	6.402.240.000	-
Miền Bắc - Cổ tức được chia				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	8.924.303.699	-	11.141.347.407	-
Cổ tức được chia	7.650.000.000	-	9.600.000.000	-
Phải thu khác	1.274.303.699	-	1.541.347.407	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.235.149.557	-	4.533.147.217	-
Các khoản ký quỹ	655.517.300	-	820.217.300	-
Tạm ứng	3.063.742.870	-	2.422.321.324	-
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	180.500.000	-	1.055.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	15.077.808	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	320.311.579	-	235.608.593	-
Cộng	18.921.469.256	-	22.076.734.624	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân	2 - < 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)	1- < 2 năm	6.418.557.288	(3.209.278.644)
	> 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)		-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	1- < 2 năm	700.000.000	(350.000.000)	-	-	
	-	-	-	-	-	
Jungwon Maritime Pte Ltd	6 tháng < 1 năm	21.333.438.645	(6.380.392.922)	-	-	
Cộng		28.386.533.693	(12.537.830.239)		6.418.557.288 (3.209.278.644)	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.209.278.644	-
Trích lập dự phòng bổ sung	9.328.551.595	3.209.278.644
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	12.537.830.239	3.209.278.644

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	3.195.455.026	2.172.373.894
Chi phí sửa chữa tài sản	-	1.406.147.100
Cộng	<u>3.195.455.026</u>	<u>3.578.520.994</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.149.464.231	66.933.340
Chi phí sửa chữa tàu	27.345.144.949	24.897.975.670
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	10.710.173.572	11.037.941.753
Chi phí đăng kiểm	95.129.280	190.258.560
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.718.100.336	-
Chi phí sửa chữa khác	1.701.319.416	97.519.065
Cộng	<u>46.719.331.784</u>	<u>36.290.628.388</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	416.008.714.510	985.310.359.041	550.648.875.534	10.677.022.469	1.249.983.891	1.963.894.955.445
Mua sắm mới	-	3.250.520.000	12.713.913.358	189.000.000	38.636.364	16.192.069.722
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	(48.723.324.120)	-	(90.400.000)	(48.813.724.120)
Số cuối năm	416.008.714.510	988.560.879.041	514.639.464.772	10.866.022.469	1.198.220.255	1.931.273.301.047
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	265.725.984.289	3.429.862.436	10.387.961.559	59.590.909	279.603.399.193
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	344.506.999.327	545.446.610.959	191.111.497.946	10.507.547.511	807.143.612	1.092.379.799.355
Khấu hao trong năm	29.686.959.972	88.662.312.933	61.807.215.057	86.340.984	233.318.363	180.476.147.309
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	(15.090.403.839)	-	(58.760.013)	(15.149.163.852)
Số cuối năm	374.193.959.299	634.108.923.892	237.828.309.164	10.593.888.495	981.701.962	1.257.706.782.812
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	71.501.715.183	439.863.748.082	359.537.377.588	169.474.958	442.840.279	871.515.156.090
Số cuối năm	41.814.755.211	354.451.955.149	276.811.155.608	272.133.974	216.518.293	673.566.518.235
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 586.990.664.498 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.762.216.362	(486.552.123)	1.275.664.239
Khấu hao trong năm	-	(352.443.276)	352.443.276
Số cuối năm	1.762.216.362	(838.995.399)	923.220.963
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	448.600.000	(425.266.657)	23.333.343
Khấu hao trong năm	-	(23.333.343)	(23.333.343)
Số cuối năm	448.600.000	(448.600.000)	-
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	448.600.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	16.192.069.722	(16.192.069.722)	-
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	4.642.983.158	-	-	4.642.983.158
<i>Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang</i>	<i>542.740.734</i>	-	-	<i>542.740.734</i>
<i>Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng</i>	<i>3.013.636.364</i>	-	-	<i>3.013.636.364</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>1.086.606.060</i>	-	-	<i>1.086.606.060</i>
Cộng	4.642.983.158	16.192.069.722	(16.192.069.722)	4.642.983.158

(*) Các dự án dở dang đang chờ hướng dẫn triển khai dự án từ các cơ quan nhà nước trong tháng 4 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	22.588.888.740	37.154.397.671
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	624.348.648	1.201.901.733
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.291.578.753	10.090.819.979
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	8.098.002.300	3.739.279.100
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	4.851.000.000	5.661.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	2.712.351.400
Công ty TNHH Một thành viên Hải sản Trường Sa	3.943.571.340	9.859.536.240
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	193.470.000	720.280.320
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	2.584.698.339	3.169.228.899
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	2.219.360	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	103.943.546.112	132.924.338.509
Công ty Cổ phần Tàu dịch vụ Dầu khí HD Marine	12.227.355.921	11.327.284.146
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	7.217.756.244	22.101.491.520
Aussie Offshore Services Limited	13.744.973.998	-
Đinh Văn Học (thuyết minh V.13b)	10.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	60.753.459.949	99.495.562.843
Cộng	126.532.434.852	170.078.736.180

13b. Phải trả người bán dài hạn

Số dư đầu năm là khoản phải trả Ông Đinh Văn Học tiền mua cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/CNCP-TCO ngày 15 tháng 4 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số PL01/2019/CNCP-TCO ngày 30 tháng 12 năm 2019. Công ty mua 5.046.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ với giá chuyển nhượng 31.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng: 156.450.800.000 VND, thời hạn thanh toán trước ngày 31 tháng 01 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.383.231.740	40.019.629.796	(44.402.861.536)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.688.830.769	(9.688.830.769)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.892.671.123	(2.892.671.123)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.666.965.924	10.505.730.737	(5.990.380.361)	10.182.316.300
Thuế thu nhập cá nhân	746.046.748	9.070.820.155	(9.421.852.863)	395.014.040
Thuế môi trường	-	460.004.000	(460.004.000)	-
Thuế nhà thầu	322.006.079	1.159.351.969	(937.503.671)	543.854.377
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	20.911.770	(20.911.770)	-
Cộng	11.118.250.491	73.823.950.319	(73.821.016.093)	11.121.184.717

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	131.345.749.805	125.508.551.103
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.905.810.214	3.801.168.793
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.956.738.563	3.801.168.793
<i>Chi phí khấu hao xe phần trên 1,6 tỷ</i>	-	101.567.952
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	1.894.956.104	3.648.672.492
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	61.782.459	50.928.349
- Các khoản điều chỉnh giảm	(50.928.349)	-
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện năm nay</i>	(50.928.349)	-
Thu nhập chịu thuế	133.251.560.019	129.309.719.896
Thu nhập miễn thuế	(12.771.792.000)	(14.052.240.000)
Thu nhập tính thuế	120.479.768.019	115.257.479.896
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ hoạt động khai thác cảng biển</i>	92.757.582.027	111.889.286.307
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	27.722.185.992	3.368.193.589
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khai thác cảng	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	24.095.953.604	23.051.495.979
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(9.275.758.203)	(11.188.928.631)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (50% thuế TNDN)	(4.637.879.101)	(5.594.464.315)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	323.414.437	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.505.730.737	6.268.103.033

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.505.748.913</i>	<i>15.262.181.940</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	2.565.116.913	5.804.400.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng - Chi phí dịch vụ	-	517.149.940
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>32.810.969.784</i>	<i>33.102.178.105</i>
Lãi vay phải trả	17.153.392.948	22.501.887.382
Chi phí thuê tàu phải trả	10.172.540.011	8.209.251.740
Chi phí nhiên liệu phải trả	852.327.128	270.127.273
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.632.709.697	2.120.911.710
Cộng	<u>44.316.718.697</u>	<u>48.364.360.045</u>

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>24.319.212.754</i>	<i>23.026.972.388</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	21.654.608.072	21.688.957.063
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>21.503.160.000</i>	<i>21.503.160.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>151.448.072</i>	<i>185.797.063</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng - Chi phí dịch vụ	5.000.040	5.000.040
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.659.604.642	1.333.015.285
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>5.880.727.623</i>	<i>9.264.320.529</i>
Kinh phí công đoàn	160.215.313	74.617.412
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.318.370	5.441.789
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.565.699.000	-
Cổ tức phải trả	-	8.987.825.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	152.494.940	196.436.328
Cộng	<u>30.199.940.377</u>	<u>32.291.292.917</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	197.245.332.034	127.433.721.142
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	30.631.735.400	40.360.713.566
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	36.025.417.685	54.939.328.362
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	60.279.148.529	32.133.679.214
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	70.050.400.000	78.137.959.303
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	258.630.420	395.196.072
Cộng	197.245.332.034	205.966.876.517

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 2143/2038/N/CTD ngày 16/11/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50 tỷ VND, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền hưởng bảo hiểm phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine); cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND; thế chấp Cầu RTG 6 + 1. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 7,0% đến 7,5%/năm tùy theo từng giấy nhận nợ.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tàu TAN CANG 63, TAN CANG 66 và TC Royal; 03 cầu Kock. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 6,2% đến 8,7%/năm tùy theo từng giấy nhận nợ.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo hợp đồng tín dụng ngày 30/09/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 02 cầu bờ Container hiệu Kocks. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 6,0% đến 7,0%/năm tùy theo từng giấy nhận nợ.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	127.433.721.142	300.972.508.517	-	(301.469.928.045)	126.936.301.614
Vay dài hạn đến hạn trả	78.137.959.303	-	70.050.400.000	(78.137.959.303)	70.050.400.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	395.196.072	-	258.630.420	(395.196.072)	258.630.420
Cộng	205.966.876.517	300.972.508.517	70.309.030.420	(380.003.083.420)	197.245.332.034

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	36.494.545.000	31.470.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang ⁽ⁱ⁾	36.494.545.000	31.470.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	220.834.900.000	291.425.293.580
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱⁱ⁾	35.620.900.000	55.531.293.580
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga	-	15.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	185.214.000.000	220.494.000.000
<i>Vay dài hạn các cá nhân khác ^(iv)</i>	177.679.425.000	164.018.850.000
<i>Nợ thuê tài chính ^(v)</i>	174.485.311	433.115.731
Cộng	435.183.355.311	487.347.259.311

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng trong năm 2017 và 2018, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động vào kinh doanh, thời gian vay 24 tháng, lãi suất trong năm 2020 là 8%/ năm, thời hạn trả nợ được điều chỉnh gia hạn lần lượt đến ngày 08 tháng 11 năm 2024 và đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với từng hợp đồng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 11 năm 2017 và ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 8,1% đến 9,6% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 7,7% đến 9,3% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hai cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer.
- (iv) Là khoản vay dài hạn các cá nhân khác để tăng cường vốn cho hoạt động offshore, lãi suất cố định 9%/năm và khoản vay dài hạn các cá nhân để đầu tư mua tàu, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks, lãi suất từ 9% đến 25%/năm tùy từng loại hình đầu tư.
- (v) Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng ký kết năm 2018. Tài sản thuê là các phương tiện vận tải (xe ô tô) với số tiền cho thuê là 1.127.272.727 VND, thời hạn thuê từ 36 tháng đến 48 tháng, tùy từng hợp đồng.
- Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

Số cuối năm	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	417.821.601.614	196.986.701.614	176.740.900.000	44.094.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	36.494.545.000	-	36.494.545.000	-
Vay dài hạn các cá nhân	177.679.425.000	-	177.679.425.000	-
Nợ thuế tài chính	433.115.731	258.630.420	174.485.311	-
Cộng	632.428.687.345	197.245.332.034	391.089.355.311	44.094.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	369.563.252.883	78.137.959.303	291.425.293.580	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	31.470.000.000	-	31.470.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân	164.018.850.000	-	164.018.850.000	-
Nợ thuế tài chính	828.311.803	395.196.072	433.115.731	-
Cộng	565.880.414.686	78.533.155.375	487.347.259.311	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do lãi vay nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	291.425.293.580	-	(539.993.580)	(70.050.400.000)	220.834.900.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	31.470.000.000	-	-	-	36.494.545.000
Vay dài hạn các cá nhân	164.018.850.000	5.024.545.000	(3.459.425.000)	-	177.679.425.000
Nợ thuế tài chính	433.115.731	-	-	(258.630.420)	174.485.311
Cộng	487.347.259.311	17.120.000.000	5.024.545.000	(70.309.030.420)	435.183.355.311

17c. Vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.726.386.942	5.962.022.404	(6.904.644.538)	783.764.808
Quỹ phúc lợi	2.675.606.856	5.962.022.404	(6.836.347.406)	1.801.281.854
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.778.899.150	2.384.808.961	(2.988.000.000)	2.175.708.111
Cộng	7.180.892.948	14.308.853.769	(16.728.991.944)	4.760.754.773

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Năm trước					
Số dư đầu năm	265.000.000.000	126.381.340.498	169.103.796.352	20.061.375.910	580.546.512.760
Lợi nhuận trong năm	-	-	119.240.448.070	-	119.240.448.070
Chia cổ tức	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Trích lập các quỹ	-	40.867.139.215	(64.025.184.770)	6.811.189.869	(16.346.855.686)
Trích kinh phí hoạt động HĐQT, BKS	-	-	(2.043.356.961)	-	(2.043.356.961)
Số dư cuối năm	265.000.000.000	167.248.479.713	161.325.702.691	26.872.565.779	620.446.748.183
Năm nay					
Số dư đầu năm	265.000.000.000	167.248.479.713	161.325.702.691	26.872.565.779	620.446.748.183
Lợi nhuận trong năm	-	-	120.840.019.068	-	120.840.019.068
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	35.772.134.421	(50.080.988.190)	-	(14.308.853.769)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Trích kinh phí hoạt động HĐQT, BKS	-	-	(1.788.606.721)	-	(1.788.606.721)
Số dư cuối năm	265.000.000.000	203.020.614.134	169.346.126.848	26.872.565.779	664.239.306.761

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	93.492.000.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	265.000.000.000	265.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.500.000	26.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 như sau:

Phân phối lợi nhuận năm 2019

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 60.950.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 35.772.134.421
• Trích quỹ Khen thưởng	: 5.962.022.404
• Trích quỹ Phúc lợi	: 5.962.022.404
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	: 2.384.808.961
• Trích kinh phí HĐQT, BKS	: 1.788.606.721

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 74.705,66 USD (số đầu năm là 346.040,56 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản	337.205.840.239	340.934.983.192
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	582.128.082.279	532.827.685.862
Doanh thu bán tàu, sà lan	49.560.407.273	-
Doanh thu dịch vụ khác	11.915.413.180	26.633.223.720
Cộng	<u>980.809.742.971</u>	<u>900.395.892.774</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản cho các đơn vị:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	196.974.718.043	210.464.999.994
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	84.000.000	-
Công Ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	746.785.000	-
Công ty TNHH Một thành viên 128	3.816.722.727	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các đơn vị:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	13.422.578.901	12.631.080.569
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	283.727.273	2.053.636.363
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	-	210.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	6.000.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản	198.314.855.471	182.579.837.818
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	509.168.102.656	472.059.025.639
Giá vốn bán tàu, sà lan	34.923.633.133	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	10.254.284.356	14.318.213.513
Cộng	<u>752.660.875.616</u>	<u>668.957.076.970</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.119.539.048	202.624.913
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	57.885.590	176.141.564
Cổ tức được chia	12.771.792.000	14.052.240.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.256.831.343	745.744.373
Cộng	<u>15.206.047.981</u>	<u>15.176.750.850</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	62.213.524.325	67.965.090.056
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	500.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	453.749.690	574.717.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.865.571	73.801.238
Cộng	<u>62.689.139.586</u>	<u>69.113.609.194</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng	2.787.004.783	1.702.934.264

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	25.600.089.957	27.070.769.496
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	736.734.827	744.208.774
Chi phí đồ dùng văn phòng	774.193.366	768.653.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.282.757.942	1.722.192.175
Thuế, phí và lệ phí	128.155.436	107.224.286
Dự phòng phải thu khó đòi	9.328.551.595	3.209.278.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.322.272.306	9.350.053.637
Chi phí bằng tiền khác	3.850.952.937	9.205.760.368
Cộng	<u>50.023.708.366</u>	<u>52.178.140.627</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	161.899.693
Thu tiền bồi thường	4.353.270.380	1.719.668.779
Xử lý công nợ thực tế không phải thanh toán	51.177.906	-
Thu nhập khác	100.975.422	105.053.382
Cộng	<u>4.505.423.708</u>	<u>1.986.621.854</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	576.744.502	18.825.939
Chi phí khác	437.992.002	80.127.381
Cộng	<u>1.014.736.504</u>	<u>98.953.320</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.141.814.187	144.496.341.219
Chi phí nhân công	125.484.027.663	117.592.102.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.851.923.928	215.584.957.907
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.887.088.657	216.920.337.124
Chi phí khác	56.166.233.703	71.007.908.243
Cộng	<u>789.531.088.138</u>	<u>765.601.647.476</u>

163.
ÔNG
Ổ PH
HCH
TÂN
NH-TM.S.C.N.0300
TRÁ
KIẾ
Đ.Đ.
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã phát sinh việc mua quà tặng bằng quỹ khen thưởng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản công nợ này chưa được thanh toán, số tiền 745.705.000 VND.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm 2020					
Hội đồng quản trị					
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch	-	-	600.000.000	600.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	500.000.000	500.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên kiêm Giám đốc	926.640.000	111.667.525	400.000.000	1.438.307.525
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	441.600.000	48.967.525	30.000.000	520.567.525
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	504.000.000	65.610.250	50.000.000	619.610.250
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	390.000.000	31.851.890	30.000.000	451.851.890
Ban Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc	550.800.000	71.498.720	-	622.298.720
Phạm Thanh Bình	Phó Giám đốc	550.800.000	76.557.175	-	627.357.175
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	550.800.000	71.760.625	-	622.560.625
Cộng		3.914.640.000	477.913.710	1.610.000.000	6.002.553.710

Năm 2019

Hội đồng quản trị

Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên kiêm Giám đốc	926.640.000	182.697.750	-	1.109.337.750

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	441.600.000	85.321.875	-	526.921.875
Nguyễn Thị Gám	Thành viên	504.000.000	96.645.375	36.000.000	636.645.375
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	390.000.000	82.613.821	36.000.000	508.613.821
Ban Giám đốc					
Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc	633.000.000	136.800.000	-	769.800.000
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc	550.800.000	112.986.932	-	663.786.932
Phạm Thanh Bình	Phó Giám đốc	550.800.000	119.279.250	-	670.079.250
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	321.300.000	19.500.000	-	340.800.000
Cộng		4.318.140.000	835.845.002	72.000.000	5.225.985.002

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Tiền thuê đất phải nộp	-	4.470.316.000
Chia cổ tức	21.503.160.000	21.503.160.000
Thanh toán cổ tức	-	12.681.284.789



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	532.438.176	889.266.649
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	12.295.576	31.560.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.959.116.036	1.605.680.239
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	684.075.000	2.468.022.750
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	8.869.971.885	4.565.038.307
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	7.920.000.000	10.800.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	166.601.364
Công ty TNHH Một thành viên 128	204.522.093	-
Mua nhiên liệu của các đơn vị		
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	-	19.910.616.319
Thanh lý tài sản		
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	-	524.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.16, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Giám đốc

Lê Đăng Phúc